

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Năm báo cáo: 2018**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200580975,
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3836379
- Số fax: 0225.3836151
- Website: www.vimadeco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): VMS

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty được thành lập ngày 30/10/1992 với tên gọi Tổng công ty Phát triển Hàng hải theo quyết định số 2444-QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.
- Quyết định số 1195/QĐ/TCCB-LĐ ngày 16/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải.
- Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển DNNN Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng
- Ngày 01/6/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.
- Ngày 11/2/2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 90.000.000.000 đồng.
- Ngày 20/10/2015 Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:
- + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Cho thuê kho, bãi;

- + Khai thác ICD;
- + Đại lý và cho thuê, mua bán container, rơ moóc;
- + Sửa chữa vỏ container;
- + Dịch vụ logistics; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ vận tải đa phương thức;
- + Dịch vụ cung cấp nhiên liệu;
- Địa bàn kinh doanh (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

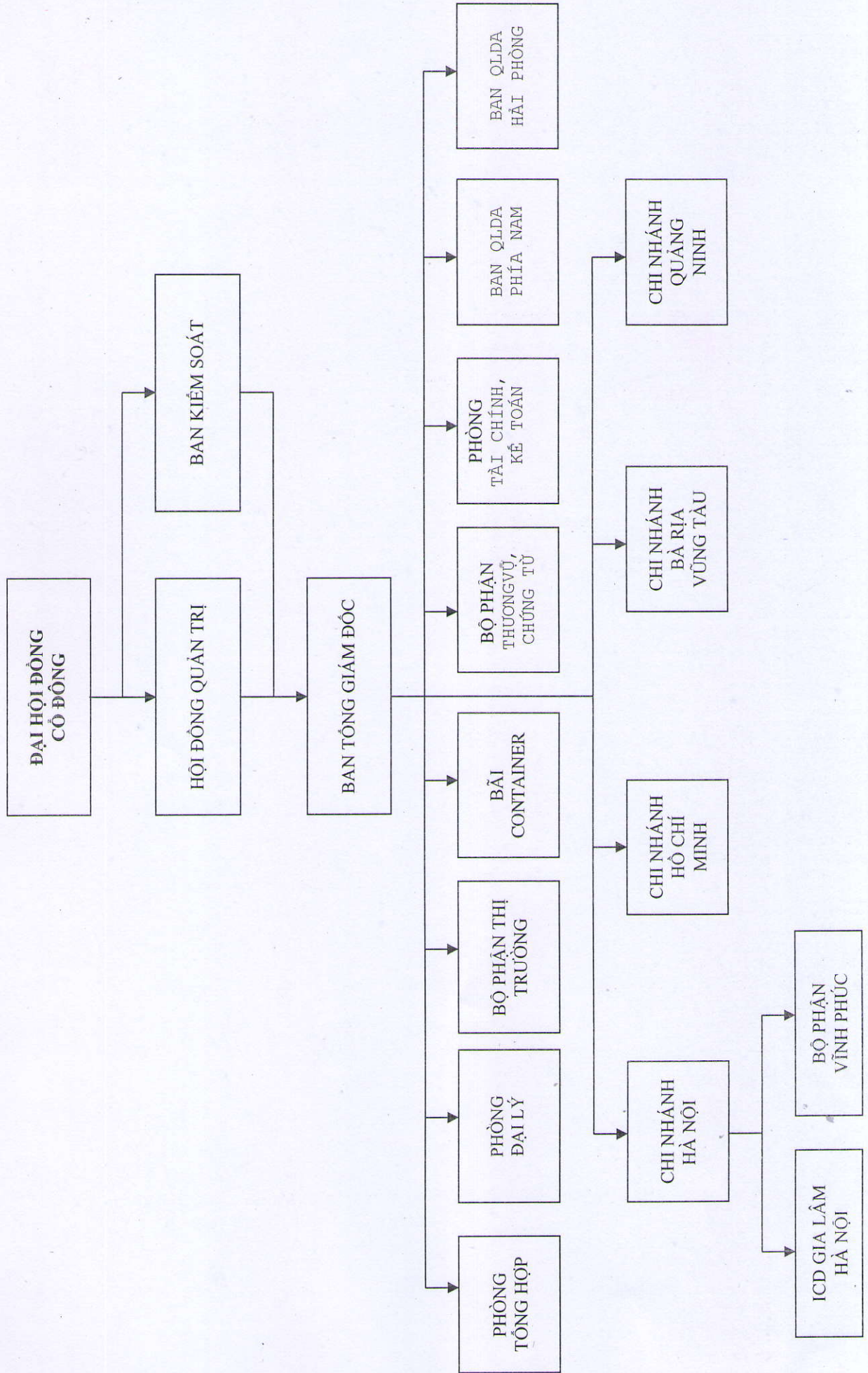
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

Sơ đồ tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



5. Các công ty con, công ty liên kết:

a/ Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu:

Địa chỉ: số 46B Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, Tp.Hải Phòng

Loại hình Công ty: Công ty cổ phần

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ hàng hải

Vốn điều lệ: 22.400.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của doanh nghiệp tại Công ty liên kết: 24,01% vốn điều lệ (5.400.000.000 đồng)

6. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường, nắm bắt các cơ hội khi Việt Nam thực hiện các hiệp định thương mại; tăng cường phối kết hợp với các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải để phát huy thế mạnh của từng doanh nghiệp trong dịch vụ chuỗi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tập trung, chuyển đổi và phân bổ lại nguồn lực để đầu tư CSHT, trang thiết bị, nhân lực nhằm duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính như: kinh doanh khai thác kho bãi container, đại lý cho thuê và cho thuê container, mua bán container, dịch vụ logistics, giao nhận vận chuyển, đại lý và vận tải hàng hóa, cung cấp nhiên liệu; hình thành chuỗi dịch vụ logistics, tạo thêm các dịch vụ gia tăng từ các hoạt động kinh doanh chính; từng bước nâng cao vị thế và quy mô Công ty qua việc tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp phù hợp với nguồn lực và điều kiện của Công ty, đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn nhằm thực hiện mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần Phát triển hàng hải giai đoạn 2016-2021.

+ Đảm bảo và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cho hoạt động SXKD của Công ty, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho người lao động.

Xây dựng đội ngũ cán bộ làm thị trường chuyên nghiệp, bài bản, có trình độ ngoại ngữ, đáp ứng được yêu cầu thị trường trong giai đoạn.

+ Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty hình thành chuỗi cung ứng logistics để phát huy lợi thế của từng doanh nghiệp.

+ Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để ứng dụng vào hoạt động SXKD và quản lý.

7. Các rủi ro:

* Nguyên nhân khách quan:

Hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống và có hiệu quả trong những năm trước là hoạt động khai thác kho, bãi và leasing container tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

- Thị phần khai thác container shipping dành cho các doanh nghiệp khai thác depot đơn thuần ngày càng bị thu hẹp do các hãng tàu nước ngoài có xu hướng liên doanh, liên kết với các cảng biển hoặc tự tổ chức khai thác để khép kín dịch vụ, dẫn đến hạn chế sử dụng các kho bãi container ngoài tạo ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các doanh nghiệp khai thác depot. Mặt khác các hãng tàu nước ngoài đã giảm dần khai thác các tàu cỡ trung bình và nhỏ, từng bước đưa tàu mẹ vào vội mớn khai thác tại cảng HICT Lạch Huyện nên sản lượng container tại khu vực Chùa Vẽ và Đình Vũ ngày càng giảm.

Bên cạnh đó các depot của Công ty nằm gần khu vực cảng Chùa Vẽ cách xa trung tâm cảng Đình Vũ nên rất khó để cạnh tranh được với các doanh nghiệp khai thác kho bãi có vị trí địa lý thuận lợi hơn.

- Theo Nghị định 68/2016/NĐ-CP, ICD Gia Lâm đang trong giai đoạn xem xét việc khai thác ICD, việc xin chuyển đổi thành địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung không thực hiện được do không đáp ứng được quy định của cơ quan chức năng về diện tích ICD cùng với việc quy hoạch tại khu vực gây khó khăn cho hoạt động của ICD Gia Lâm.

- Tại TP. HCM các depot của Công ty đều nằm xa trung tâm cảng, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị ngày càng xuống cấp. Các khu đất đều không có cơ sở pháp lý đầy đủ, đất thuê ngắn hạn hàng năm và bị nằm trong quy hoạch đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác đầu tư, duy tu, sửa chữa dẫn đến làm giảm tính cạnh tranh và rất khó khăn trong công tác duy trì, phát triển khách hàng container shipping. Hiện tại, các khu đất đang nằm trong quá trình thanh kiểm tra, điều tra của các cơ quan chức năng nên ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD và công tác khác của Công ty.

- Về dịch vụ leasing container, do yêu cầu về môi trường các hãng leasing trên thế giới đã hạn chế đóng mới container trong vài năm trở lại đây trong khi nhu cầu thuê container của các hãng tàu tiếp tục tăng dẫn đến không có container offhire.

Hoạt động khai thác container leasing trong năm 2018 gặp nhiều khó khăn, sản lượng container offhire về các bãi của Công ty liên tục giảm sâu và chỉ phục hồi nhẹ vào 2 tháng cuối năm đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hoạt động khai thác đội xe tiếp tục gặp khó khăn về nguồn hàng và giá cước trong bối cảnh chung của dịch vụ này, các chi phí đầu vào tăng cao như chi phí nhiên liệu, chi phí vé cầu đường, chi phí vật tư ... nên hiệu quả không cao.

- Hoạt động giao nhận vận chuyển hàng rời cũng gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2018, doanh thu và lợi nhuận bị sụt giảm sâu do cạnh tranh về giá cước trong khi đó các chi phí đầu vào là chi phí thuê tàu, chi phí quản lý tăng cao ...

- Giá dầu liên tục tăng cao trong hầu hết cả năm 2018 dẫn đến giá thành dịch vụ khai thác bãi, khai thác đội xe, chi phí thuê tàu trong dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng rời tăng cao trong điều kiện đơn giá dịch vụ không tăng được nên hiệu quả giảm.

* Nguyên nhân chủ quan:

- Công ty chưa sử dụng vốn vay trong công tác đầu tư, chưa thể tăng vốn điều lệ do thời

điểm chưa phù hợp nên rất khó khăn trong lựa chọn, tìm kiếm quỹ đất phù hợp để đầu tư kho, bãi tại Hải Phòng và Tp. Hồ Chí Minh.

- Khó khăn trong cạnh tranh với các đơn vị tư nhân bên ngoài do cơ chế chính sách cho khách hàng để phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng mới.

- Công tác phát triển thị trường chưa thực sự mang lại hiệu quả do năng lực của CBNV còn hạn chế.

- Công tác thu hồi công nợ chưa thật sự tốt, còn nợ gởi đầu cao nên gặp khó khăn về dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình thị trường kinh doanh khai thác kho bãi container năm 2018 tiếp tục khó khăn, tình trạng cung vượt cầu về kho bãi tại khu vực Hải Phòng qua nhiều năm dẫn đến mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt trong điều kiện thị phần dành cho các doanh nghiệp khai thác kho bãi, đặc biệt kho bãi có quy mô trung bình và nhỏ bị giảm sâu.

Với ưu thế của cảng nước sâu, Cảng HICT Lạch Huyện được đưa vào khai thác từ tháng 5/2018 đã từng bước thu hút các hãng tàu nước ngoài đưa tàu có sức chở lớn vào khai thác để giảm chi phí khai thác, vì vậy để nắm giữ hãng tàu các cảng còn lại hoặc xây dựng ICD hình thành cảng nổi dài, hoặc liên doanh, liên kết với hãng tàu hình thành các doanh nghiệp khai thác kho bãi container để khép kín dịch vụ và tạo thêm dịch vụ gia tăng; vì vậy sản lượng container thông qua các doanh nghiệp khai thác kho bãi sẽ tiếp tục giảm sâu.

Đối với dịch vụ container leasing, năm 2018 tiếp tục suy giảm mạnh trong 3 quý đầu năm do chính sách đóng mới container của các hãng leasing trên thế giới thay đổi vì lý do giá thành đóng mới cao do yêu cầu về môi trường, hệ quả tạo ra sự thiếu hụt về container cho thuê trong hoạt động vận tải, không có sản lượng container offhire về kho bãi; dịch vụ container leasing mới phục hồi nhẹ từ tháng 11 năm 2018.

Thị trường cho thuê container vẫn giữ được sự ổn định về doanh thu và sản lượng nhờ nhu cầu tăng cao về container của các hãng tàu nội địa.

Thị trường vận tải bộ năm 2018 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn trong bối cảnh chung của dịch vụ này, lượng cung về phương tiện vượt cầu dẫn đến giá cước bị cạnh tranh không thể tăng được mặc dù các chi phí đầu vào tăng cao như chi phí đầu tư, vật tư và đặc biệt là chi phí nhiên liệu.

Dịch vụ giao nhận vận chuyển container năm 2018 của Công ty tại phía Bắc có sự tăng trưởng mạnh nhờ sự gia tăng sản lượng của khách hàng lớn là Toyota Việt Nam và cung cấp thêm được dịch vụ cho 02 khách hàng lớn khác là Canon và Nitori với sản lượng ổn định.

Bên cạnh đó thì dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng rời năm 2018 gặp nhiều khó khăn; sản lượng, doanh thu, đặc biệt là lợi nhuận giảm sâu so với năm 2017 do giá cước không tăng được trong điều kiện chi phí thuê tàu tăng cao.

Thị trường cung cấp nhiên liệu năm 2018 mặc dù bị cạnh tranh nhưng vẫn có sự tăng trưởng mạnh về doanh thu do giá dầu liên tục tăng cao trong năm 2018 và giữ vững được các khách hàng truyền thống, đồng thời phát triển được thêm một số khách hàng mới.

* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2018 của toàn Công ty:

Tổng doanh thu là 235,197 tỷ đồng đạt 98,33% kế hoạch và bằng 108,60% so với thực hiện năm 2017.

Lợi nhuận trước thuế đạt 6,892 tỷ đồng đạt 86,15% kế hoạch và bằng 138,56% so với thực hiện năm 2017.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền điều quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác):

+ Ông Nguyễn Văn Dũng - Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 20/8/1966

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030665504

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 40/96 Hai Bà Trưng, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty (từ 29/6/2018 miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT Công ty)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Nguyễn Chí Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 25/01/1963

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030090579

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 38/120 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 49.500 CP (0.55%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Mai Tiến Sỹ – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 26/8/1969

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 024395033

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.550 CP (0.0172%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Hoàng Thanh Hải – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 27/6/1975

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 031075003060

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: A9 Lô 12 ĐTM Định Công, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Đậu Anh Dũng – Kế toán trưởng Công ty

Ngày sinh: 23/01/1982

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 040082000183

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 6/44 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.125 CP (0.0125%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Trưởng BKS Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Công ty đảm bảo đời sống và thu nhập cho CBCNV, thực hiện trả lương đúng và đủ cho người lao động. Số lao động tại thời điểm 31/12/2018 là: 198 người, thu nhập bình quân người lao động đạt 10.700.000 đồng/ người/ tháng.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2018, nhìn chung kết quả thực hiện công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị của Công ty thấp hơn nhiều so với kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Công tác XDCB:

+ Duy tu, sửa chữa bãi container Đông Hải – Hải Phòng: kinh phí thực hiện 486.666.183 đồng trong tổng số 500.000.000 đồng theo kế hoạch.

+ Do chông lán về ranh giới đất nên Công ty chưa làm xong thủ tục GCNQSDĐ khu văn

phòng làm việc tại 11 Võ Thị Sáu - Hải Phòng vì vậy Công ty chưa tiến hành sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc theo kế hoạch.

+ Năm 2018, thị trường khai thác container leasing tại Tp.Hồ Chí Minh tiếp tục sụt giảm nên Công ty chưa thực hiện việc duy tu, sửa chữa các bãi container tại Tp.Hồ Chí Minh; mặt khác Công ty giao cho đơn vị hợp tác kinh doanh tiến hành sửa chữa, nâng cấp bãi container Nam Hòa 1 với chi phí sửa chữa, nâng cấp được khấu trừ vào kết quả hợp tác kinh doanh.

+ Hợp đồng nâng cấp hạ tầng thông tin của Công ty đã hoàn thành nghiệm thu, thanh lý. Công ty đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại là 47.000.000 đồng.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị:

+ Đã đầu tư 01 xe tải nhỏ phục vụ kinh doanh xăng dầu tại chi nhánh BRVT, kinh phí đầu tư 367.000.000 đồng trong tổng số 400.000.000 đồng theo kế hoạch.

+ Công ty chưa thực hiện đầu tư 05 xe container theo kế hoạch do thị trường vận tải bộ vẫn còn khó khăn, việc đầu tư sẽ không hiệu quả.

- Về các dự án đầu tư:

+ Các dự án Khu chung cư phức hợp Phước Long A (Blue Ocean), khu nhà ở Phước Bình và dự án tại ICD Phước Long chưa có tiến triển; trong năm 2018 Công ty chủ yếu thực hiện công tác nghiên cứu, lập phương án hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư trình Tổng công ty xem xét.

Với kế hoạch vốn cho năm 2018 là 600.000.000 đồng, Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý với Công ty TNHH Luật TQA, đã thanh toán chi phí đợt 1 là 192.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT).

+ Do nguồn cung kho bãi container tại khu vực Đình Vũ đã vượt nhu cầu thực tế rất xa, sự cạnh tranh diễn ra khốc liệt và giá đất tăng cao nên Công ty chưa triển khai dự án Bãi container Đình Vũ-Hải Phòng.

+ Chưa đầu tư Depot tại khu vực Tp.Hồ Chí Minh do chưa tìm được quỹ đất phù hợp; chưa đầu tư cơ sở vật chất tại Chi nhánh Hà Nội do việc chuyển đổi các khu đất đang trong quá trình xem xét của cơ quan chủ quản cấp trên.

Một số vấn đề liên quan đến dự án năm 2018:

*** Về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại ICD Gia Lâm:**

Theo quy định tại NĐ 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 có hiệu lực thi hành từ 01/7/2016 và Đề án “Quản lý và phát triển hoạt động logistics trên địa bàn TP Hà Nội đến năm 2025” của TP Hà Nội, ICD Gia Lâm sẽ phải dừng khai thác và được thay thế bằng ICD Cổ Bi trong tương lai gần. Trong khi đó, hồ sơ pháp lý khu đất ICD Gia Lâm của Công ty là hợp đồng thuê đất không có thời hạn và trả tiền thuê đất hàng năm, khó triển khai phương án kinh doanh thay thế.

Căn cứ vào điều kiện thực tế khai thác, để tạo nguồn lực tái đầu tư cho hoạt động SXKD của

Công ty, sau khi rà soát quy định hiện hành của Nhà nước và qua tham vấn đơn vị tư vấn pháp lý, Công ty đã có văn bản báo cáo Tổng công ty về việc kê khai và đề xuất phương án xử lý đối với cơ sở nhà, đất tại ICD Gia Lâm Hà Nội là chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thông qua hình thức đấu giá nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty, làm cơ sở để Tổng công ty báo cáo Bộ ngành liên quan xem xét quyết định. Hiện nay, Tổng công ty đang xem xét việc này.

*** Các dự án tại ICD Phước Long, Khu chung cư Phúc hợp Blue Ocean và Khu nhà ở Phước Bình tại quận 9, Tp.Hồ Chí Minh:**

- Theo yêu cầu của UBND Tp.Hồ Chí Minh tại Quyết định số 5606/QĐ-UBND, Công ty phải lập Phương án sắp xếp di dời cảng ICD Phước Long theo quy hoạch của Thành phố trước ngày 25/10/2018. Ngày 27/11/2017, Công ty đã nộp Phương án sắp xếp di dời và được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Hồ Chí Minh tiếp nhận (Phương án sắp xếp di dời được xây dựng trên cơ sở quy định tại Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Chính phủ về việc ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị).

Ngày 31/12/2017, Chính phủ ban hành Nghị định 167/2017/NĐ-CP về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công thay thế cho Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg; ngày 16/4/2018, Bộ Tài chính có Thông tư số 37/2018/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung sắp xếp xử lý nhà đất theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP. Ngày 22/5/2017, Công ty đã có văn bản số 69/PTHH-TH gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Hồ Chí Minh đề nghị hướng dẫn lập và trình duyệt Phương án sắp xếp di dời ICD Phước Long theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP, tuy nhiên, Công ty chưa nhận được hướng dẫn. Do đó, Công ty đã chủ động lập Phương án sắp xếp di dời cập nhật theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP. Tại Phương án sắp xếp lại, di dời ICD Phước Long, Công ty đề xuất được tiếp tục quản lý khu đất, hợp tác kinh doanh với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm là Liên danh An Phú/ Ngọc Việt để chuyển đổi công năng khu đất, xây dựng Trụ sở văn phòng – Khu trung bày sản phẩm phù hợp quy hoạch của Tp.Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở đó, Công ty đã báo cáo Tổng công ty xem xét. Căn cứ ý kiến của Tổng công ty, ngày 25/10/2018 Công ty nộp Phương án sắp xếp di dời cho UBND và Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Hồ Chí Minh. Hiện nay, UBND và Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Hồ Chí Minh đang xem xét.

- Với 2 dự án Khu chung cư Phúc hợp Blue Ocean và Khu nhà ở Phước Bình, việc xét công nhận Công ty là nhà đầu tư thứ cấp vẫn đang bế tắc do chủ đầu tư hạ tầng trực chính của dự án là Công ty cổ phần Địa ốc 10 không triển khai được các bước tiếp theo của dự án vì vậy quy hoạch chi tiết 1/500 cho hai dự án trên chưa được thực hiện theo Hợp đồng đã ký từ năm 2010. Do đó, Công ty đã lập Phương án hợp tác đầu tư với đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm là Liên danh An

Phú/Ngọc Việt phù hợp quy định hiện hành của Nhà nước để báo cáo Tổng công ty xem xét.

*** Việc truy thu số tiền là lợi nhuận sau thuế từ việc cho thuê bãi container tại Tp. Hồ Chí Minh:**

Trong quá trình thanh tra việc quản lý sử dụng đất của Công ty tại các dự án thuộc dự án Bắc Rạch Chiếc, ngày 11/7/2017 Thanh tra Tp. Hồ Chí Minh ra QĐ 191/TTTP-P4 thu hồi số tiền 9.323.195.385 đồng là lợi nhuận sau thuế từ việc cho thuê bãi container Nam Hòa 1. Đến ngày 30/10/2018, Công ty đã nộp đủ số tiền trên về tài khoản tạm giữ của Thanh tra Tp. Hồ Chí Minh.

*** Việc truy thu tiền sử dụng đất thuộc lộ giới tại ICD Phước Long:**

Trong quá trình làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất tại ICD Phước Long, Sở Tài nguyên Môi trường và Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Chi cục Thuế quận 9 truy thu Công ty tiền sử dụng đất thuộc lộ giới ICD Phước Long với diện tích 9.132m² từ năm 2004.

Công ty đã ký HĐ tư vấn với đơn vị tư vấn pháp lý để làm việc với cơ quan thuế xin miễn giảm số tiền truy thu trên nhưng không đạt được kết quả, vì vậy Công ty đã phải nộp số tiền truy thu là 4.419.436.029 đồng vào kho bạc Nhà nước.

*** Việc giải quyết đền bù lộ giới mở rộng Xa lộ Hà Nội, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh:**

Công ty đã bàn giao khu đất thuộc lộ giới Xa lộ Hà Nội cho Cơ quan chức năng và đang kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét bồi thường nhưng chưa có kết quả.

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/

Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải chiếm 24,01% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu là dịch vụ hàng hải

Công ty dự kiến kết quả kinh doanh năm 2018 như sau:

Doanh thu:	32.500.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	3.500.000.000 đồng
Nộp NSNN:	700.000.000 đồng

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			

Tổng giá trị tài sản	248.194.130.631	247.822.109.346	-0.15%
Doanh thu thuần	211.293.215.551	230.840.149.553	9.25%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	3.964.617.396	6.835.183.390	72.4%
Lợi nhuận khác	1.010.274.859	57.626.983	-94.3%
Lợi nhuận trước thuế	4.974.892.255	6.892.810.373	38.55%
Lợi nhuận sau thuế	4.353.208.723	5.788.788.299	32.98%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,27	2,45	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,20	2,42	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,4	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,70	0,68	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	52,51	91,66	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,85	0,93	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,018	0,023	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,065	0,08	

--	--	--	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.000.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 13/9/2018):

STT	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Cổ đông trong nước		
	Tổ chức	52,88	4.759.825
	Cá nhân	45,94	4.134.773
2	Cổ đông nước ngoài		
	Tổ chức	1,18	105.400
	Cá nhân		0
3	Cổ phiếu quỹ		2

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi, trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v:

Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:

Không thay đổi

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty):

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	2018		Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu	216.562	239.200	235.197	98,33	108,60
Lợi nhuận trước thuế	4.974	8.000	6.892	86,15	138,56
Nộp NSNN	Theo quy định	Theo quy định	Theo quy định		

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản đầu kỳ của Công ty là: 248.194.130.631 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 113.596.120.420 đồng và tài sản dài hạn là: 134.598.010.211 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ của Công ty là: 247.822.109.346 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 115.877.087.418 đồng và tài sản dài hạn là: 131.945.021.928 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ giảm 0,15% so với đầu kỳ trong đó: Tài sản ngắn hạn tăng 2% do đầu tư tài chính ngắn hạn tăng, tài sản dài hạn giảm 1,6% do giảm các khoản phải thu dài hạn.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả của Công ty đầu kỳ là: 102.454.720.990 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 50.113.084.401 đồng và nợ dài hạn là 52.341.636.589 đồng.

Nợ phải trả cuối kỳ của Công ty là: 100.276.216.986 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 47.371.557.073 đồng và nợ dài hạn là 52.904.659.913 đồng.

Nợ phải trả ngắn hạn cuối kỳ giảm 5,47% so với đầu kỳ chủ yếu là do phải trả ngắn hạn khác giảm.

Nợ dài hạn cuối kỳ tăng nhẹ so với số đầu kỳ.

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không có các khoản vay nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch lãi vay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực, đoàn kết chỉ đạo điều hành, nỗ lực cố gắng để tập trung phát triển thị trường và khách hàng trên cơ sở giữ vững các khách hàng truyền thống và tìm kiếm, phát triển thêm các khách hàng mới, đặc biệt là các khách hàng cho các dịch vụ: kho, bãi container, logistics và giao nhận vận chuyển.

Được sự quan tâm và hỗ trợ của Trung tâm Môi giới Vận tải và Logistics Tổng công ty, Công ty sẽ phối hợp với các Doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty để cung cấp dịch vụ liên quan cho các khách hàng như Thép Hòa Phát Dung quất, VNPost ...

- Duy trì chất lượng dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường; từng bước tái cơ cấu lại hoạt động dịch vụ; tìm kiếm, lựa chọn các cơ hội kinh doanh mới và phát triển các dịch vụ phi truyền thống có doanh thu và lợi nhuận ổn định để từng bước thay thế các dịch vụ truyền thống không còn thuận lợi.

- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh và quản lý.

- Thường xuyên và tích cực trong công tác thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh việc hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh để thực hiện các dự án chuyển đổi công năng sau khi được Tổng công ty phê duyệt để tập trung nguồn lực cho công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

- Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cho Công ty đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn.

- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để ứng dụng trong sản xuất kinh doanh và quản lý.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty là hoạt động khai thác kho, bãi, ICD và container leasing, vận tải đường bộ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn. Các hãng tàu nước ngoài ngày càng đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết với các cảng biển để khép kín dịch vụ, giảm thiểu chi phí khai thác; về khai thác hầu hết đã dịch chuyển xuống khu vực Đình Vũ, Hải Phòng và dịch chuyển dần ra khu vực Lạch Huyện dẫn tới thị phần khai thác container shipping lines của các đơn vị kinh doanh kho, bãi ngày càng bị thu hẹp. Mặt khác do dư thừa lượng cung kho, bãi nên thị trường khai thác container shipping lines bị cạnh tranh quyết liệt về giá, về chất lượng dịch vụ, về sự đồng bộ và quy mô cơ sở hạ tầng. Các vị trí kho, bãi của Công ty tại Hải Phòng và Tp. Hồ Chí Minh đều cách xa khu vực trung tâm cảng nên rất khó khăn trong công tác phát triển thị trường và trong cạnh tranh với các kho, bãi gần khu vực trung tâm cảng có lợi thế về vị trí khai thác.

- Cùng với các dịch vụ leasing, vận tải bộ, vận tải hàng rời gặp khó khăn trong bối cảnh chung; hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2018 đã gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng bất lợi đến kết quả thực hiện và Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã giao.

- Năm 2018 Công ty đảm bảo việc làm, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, luôn tạo điều kiện đầy đủ cho các đoàn thể hoạt động về thời gian và kinh phí.

- Công tác môi trường, an sinh xã hội được tuân thủ thực hiện theo chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

- Ban điều hành luôn thống nhất và đoàn kết cao.

- Trong thời gian tới, Ban điều hành sẽ tạo sự gắn kết trong công tác phát triển thị trường giữa các Chi nhánh để tạo hiệu quả cao nhất trong hoạt động.

- Ban điều hành sẽ tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng, đẩy mạnh công

tác quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục định hướng hoạt động và phát triển Công ty trong giai đoạn tới theo hướng ổn định và phát triển bền vững.

- Chú trọng công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện tốt Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

- Quan tâm theo dõi và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là công tác phát triển thị trường.

- Quan tâm chú trọng kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, xây dựng nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh,

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để phù hợp tình hình hoạt động thực tế hiện nay và các mặt công tác khác của Công ty.

- Công ty cần chuẩn bị và tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện thành công các dự án lớn trong thời gian tới sau khi được cơ quan cấp trên phê duyệt.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này):

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Lê Quang Trung	Chủ tịch	0%	0	
2	Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	0%	2	Miễn nhiệm TV HĐQT từ 29/6/2018
3	Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên	0,55%	0	
4	Vũ Trường Giang	Ủy viên	1,036%	0	
5	Trịnh Thị Ngọc Biển	Ủy viên	0%	0	

6	Vũ Phước Long	Ủy viên	0%	0	Bầu bổ sung TV HĐQT từ 29/6/2018
---	---------------	---------	----	---	--

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có tiểu ban thuộc HĐQT)

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới.

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty có 05 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hàng quý, năm Hội đồng quản trị tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá các công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng cho kế hoạch tiếp theo.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã tổ chức họp 05 cuộc họp và đã quyết định các vấn đề quan trọng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	13/NQ-PTHH	01/2/2018	Nghị quyết về việc ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn thực hiện hợp tác đầu tư và thoái vốn các dự án do Công ty quản lý, sử dụng tại TP HCM
2	32/NQ-PTHH	22/5/2018	Nghị quyết điều chỉnh thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
3	33/QĐ-PTHH	23/5/2018	Quyết định về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án mua văn phòng phục vụ

			Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh và tỉnh BRVT
4	36/NQ-PTHH	30/5/2018	Nghị quyết về việc tạm dừng ký hợp đồng với Công ty cổ phần chứng khoán ASC và ký hợp đồng với Công ty TNHH Luật TQA
5	50/QĐ-PTHH	29/6/2018	Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty
6	52/NQ-PTHH	20/7/2018	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018
7	64/NQ-PTHH	28/8/2018	Nghị quyết thông qua việc chi cổ tức năm 2017
8	66/QĐ-PTHH	29/8/2018	Quyết định điều chỉnh, bổ sung thành viên trong Ban Quản lý dự án các công trình phía Nam thuộc Công ty CP Phát triển Hàng hải
9	74/QĐ-PTHH	05/10/2018	Quyết định ban hành Quy chế Quản lý tài chính
10	75/QĐ-PTHH	05/10/2018	Quyết định ban hành Quy chế đầu tư, mua sắm, thanh lý nhượng bán TSCĐ
11	76/QĐ-PTHH	05/10/2018	Quyết định ban hành Quy chế Tiền lương
12	77/QĐ-PTHH	05/10/2018	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo lao động
13	78/QĐ-PTHH	05/10/2018	Quyết định ban hành Quy chế tuyển dụng lao động

14	79/NQ-PTHH	08/10/2018	Nghị quyết về việc ký kết các Phụ lục hợp đồng với Công ty CP Địa ốc 10 tham gia góp vốn đầu tư xây dựng hạ tầng trực chính Dự án khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, Q9, TP HCM
----	------------	------------	---

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên HĐQT sau đã hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý Crestcom

- Ông Lê Quang Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Nguyễn Văn Dũng - Ủy viên HĐQT kiêm TGĐ Công ty (miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT từ 29/6/2018)
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biên - Ủy viên HĐQT Công ty

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành):

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Tạ Kim Chi	Trưởng ban	0,013%
2	Dương Thu Hiền	Ủy viên	0 %
3	Vũ Xuân Trường	Ủy viên	0,2725%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

- Ban kiểm soát Công ty hoạt động và giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát, đưa ra khuyến cáo kịp thời.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty. Thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty với Ban điều hành Công ty.

- Xem xét và thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu đơn thư khiếu nại nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty là 2.347.390.890 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty):

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: - Các Cổ đông Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải
- Ban Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải

được lập ngày 15/01/2019, từ trang 6 đến trang 35 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành phê duyệt.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả kiểm toán, chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên

quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngô Quang Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán :

0448 - 2018 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 19 tháng 02 năm 2019

Ths.Nguyễn Bảo Trung

Kiểm toán viên

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán :

0373 - 2018 - 126 - 1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115,877,087,418	113,596,120,420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		51,243,506,878	58,244,094,333
1. Tiền	111		9,043,506,878	13,244,094,333
2. Các khoản tương đương tiền	112		42,200,000,000	45,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11,592,800,000	3,954,900,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		967,760,500	967,760,500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-674,960,500	-612,860,500
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11,300,000,000	3,600,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50,957,197,160	46,384,282,170
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		49,529,058,070	41,251,906,562
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,151,852,648	5,773,269,312
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2,850,482,705	2,739,867,768
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-3,574,196,263	-3,380,761,472
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		1,368,243,094	3,251,917,831
1. Hàng tồn kho	141		1,368,243,094	3,251,917,831
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		715,340,286	1,760,926,086

1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		670,641,742	447,803,414
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	121,832,605
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		44,698,544	1,191,290,067
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		131,945,021,928	134,598,010,211
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25,114,770,139	32,903,430,411
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		24,553,304,639	31,036,813,597
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		561,465,500	1,866,616,814
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		36,625,241,317	36,355,644,771
1. Tài sản cố định hữu hình	221		33,498,157,986	36,355,644,771
- Nguyên giá	222		128,211,510,849	127,029,303,797
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-94,713,352,863	-90,673,659,026
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		3,127,083,331	0
- Nguyên giá	228		3,200,000,000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-72,916,669	
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48,287,511,557	42,287,570,127
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		48,287,511,557	42,287,570,127
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16,824,944,284	17,661,481,220
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5,400,000,000	5,400,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33,594,424,002	33,594,424,002

4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-22,169,479,718	-21,332,942,782
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,092,554,631	5,389,883,682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5,092,554,631	5,381,417,085
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			8,466,597
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		247,822,109,346	248,194,130,631
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		100,276,216,986	102,454,720,990
I. Nợ ngắn hạn	310		47,371,557,073	50,113,084,401
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		17,331,726,953	16,430,959,013
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		753,362	322,890,348
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		676,174,004	4,347,657,638
4. Phải trả người lao động	314		4,923,138,301	138,358,610
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		857,722,187	727,319,337
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			64,145,454
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		23,656,027,542	28,081,754,001
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-73,985,276	
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		52,904,659,913	52,341,636,589
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		52,904,659,913	52,341,636,589

8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147,545,892,360	145,739,409,641
I. Vốn chủ sở hữu	410		147,545,892,360	145,739,409,641
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20,000,000,000	20,000,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-20,000	-20,000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,830,983,651	16,830,983,651
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20,714,928,709	18,908,445,990
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14,926,140,410	14,555,237,267
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,788,788,299	4,353,208,723
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		247,822,109,346	248,194,130,631

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		230,840,149,553	211,293,215,551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		230,840,149,553	211,293,215,551
4. Giá vốn hàng bán	11		211,652,721,286	197,444,504,326
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		19,187,428,267	13,848,711,225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,760,093,270	3,372,111,051
7. Chi phí tài chính	22		948,863,468	392,653,867
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		780,071,765	603,605,457
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		14,383,402,914	12,259,945,556
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		6,835,183,390	3,964,617,396
12. Thu nhập khác	31		597,057,411	1,899,045,776
13. Chi phí khác	32		539,430,428	888,770,917
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		57,626,983	1,010,274,859
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6,892,810,373	4,974,892,255
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,095,555,477	62,989,347
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8,466,597	558,694,185
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		5,788,788,299	4,353,208,723
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		643	484
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		643	484

**BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		6,892,810,373	4,974,892,255
2. Điều chỉnh cho các khoản			2,020,498,546	1,635,749,335
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		4,599,874,247	5,595,484,714
- Các khoản dự phòng	3		1,092,071,727	393,168,503
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		(2,896,563)	37,519,099
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3,668,550,865)	(4,390,422,981)
- Chi phí lãi vay	6			
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		8,913,308,919	6,610,641,590
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		1,037,112,771	3,147,358,824
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,883,674,737	1,017,489,590
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4,743,051,721)	3,337,814,003
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		66,024,126	501,331,111
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			437,652,363
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,356,291,456)	(28,982,482)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,800,777,376	15,023,304,999
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7,785,748,998)	(6,765,402,536)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		150,000,000	1,602,909,091

3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,700,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			4,800,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,854,487,604	3,435,500,743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-11,481,261,394	3,073,007,298
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,323,000,000)	(3,254,000,000)
7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-1,323,000,000	(3,254,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		-7,003,484,018	14,842,312,297
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		58,244,094,333	43,448,521,804
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,896,563	(46,739,768)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		51,243,506,878	58,244,094,333

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2019
 Người đại diện trước pháp luật của Công ty
Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng